TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023 /DS-ST
Ngày: 15- 5 - 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và ông Phạm Đức Hoài.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đồng Tiến C , sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp T , xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố a, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Tổ b, ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Nguyễn Thị U có mặt, ông Phan Văn S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Đồng Tiến C trình bày:

Vào ngày 24/3/2020, vợ chồng ông Phan Văn S (gọi tắt là S) bà Nguyễn Thị U (gọi tắt là U) có hỏi vay của ông Đồng Tiến C (gọi tắt là C) số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 25/01/2021 hỏi vay thêm 50.000.000 đồng nâng

tổng số tiền vay lên là 150.000.000 đồng. Việc vay tiền các bên có làm giấy biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 25/7/2021. Sau khi vay tiền vợ chồng ông S và bà U không thực hiện trả vốn và lãi như thỏa thuận. Đến ngày 24/12/2021 bà U có làm tờ xác nhận nợ và hẹn đến ngày 04/01/2022 trả 18.000.000 đồng tiền lãi và đến ngày 24/02/2022 sẽ trả hết số nợ gốc.

Tuy nhiên từ khi cam kết trả nợ đến nay vợ chồng ông S và bà U không thực hiện trả nợ.

Nay ông C yêu cầu ông S và bà U trả số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng, tổng cộng là 168.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày xé xử vụ án. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác, không yêu cầu tính lãi chậm trả tiền cho tới khi vợ chồng ông S và bà U trả xong số nợ 168.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Nguyễn Thị U có ý kiến trình bày như sau:

Tại phiên hòa giải ngày 21/02/2023 và tại phiên tòa bà U thừa nhận vợ chồng bà có hỏi vay của ông C 150.000.000 đồng (Một trăm năm triệu đồng), thỏa thuận mức lãi 2%/tháng đồng thời thừa nhận các chứng cứ nhận nợ do ông C cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Bà U trình bày sau khi vay tiền vợ chồng bà U có đóng lãi được một thời gian nhưng sau đó do bị bể nợ nên không trả đủ tiền lãi và đến nay cũng chưa trả được số nợ gốc. Bà U không có yêu cầu gì về số tiền lãi đã trả lãi cho ông C. Nay bà U thống nhất vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho ông Cường 168.000.000 đồng bao gồm tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Về phương án trả nợ bà U đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn – ông Phan Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến phản đối đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) giấy tạm vay tiền đề ngày 24/3/2020; 01 (một) giấy tạm vay tiền (lần 2) ngày 24/7/2020; 01 (mộtt) giấy tạm vay tiền (lần 3) ngày 25/01/2021, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Ông Cường và bà U thống nhất vợ chồng ông S và bà U có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng. Bà U thống nhất trả cho ông C 168.000.000 đồng bao gồm 150.000.000 đồng tiền vay và 18.000.000 đồng tiền lãi đồng thời thống nhất với các chứng cứ do ông C cung cấp cho Tòa án.

Nội dung không thống nhất: Ông C và bà U không thống nhất được phương án trả nợ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa ông Phan Văn S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Phan Văn S.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông C đều yêu cầu vợ chồng ông S và bà U trả số nợ vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Tại Tòa án bà U thừa nhận vợ chồng bà có hỏi vay và hiện nay còn nợ của ông C 150.000.000 đồng vốn gốc. Như vậy có cơ sở để xác định giữa các bên có giao dịch vay tiền và vợ chồng ông S bà U hiện có nợ tiền của ông C là sự thật.

Quá trình khởi kiện ông C đã cung cấp chứng cứ là 03 (ba) giấy vay tiền thể hiện ông S và bà U có vay của ông C số tiền 150.000.000 đồng, chứng cứ thể hiện các bên thỏa thuận vào ngày 25/7/2021 vợ chồng ông S và bà U trả dứt nợ cho ông C. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông S và bà U đã không thực hiện trả nợ như đã thỏa thuận. Như vậy vợ chồng ông S và bà U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc vợ chồng ông S và bà U trả cho ông C số tiền vay là 150.000.000 đồng.

Ngoài yêu cầu trả nợ tiền vay là 150.000.000 đồng ông C còn yêu cầu ông S và bà U phải trả tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến nay là 18.000.000 đồng. Trong các chứng cứ và sự xác nhận của các đương sự đều thể hiện khi vay tiền các bên thống nhất mức lãi suất là 2%/tháng. Nhận thấy mức lãi suất mà các đương sự đã thỏa thuận 2%/tháng tương ứng 24%/năm là vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tuy nhiên kể từ thời điểm lập xác nhận nợ lần cuối cùng vào ngày 24/12/2021 cho đến nay số tiền lãi mà ông Cường yêu cầu đối với các bị đơn là 18.000.000 đồng không vượt quá số tiền lãi được tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 20%/năm nên số tiền lãi mà ông C yêu cầu ông S và bà U phải trả được xem xét chấp nhận. Như vậy cần buộc vợ chồng ông S và bà U phải trả cho ông C tổng cộng [150.000.000 đồng (tiền vay) + 18.000.000 đồng (tiền lãi) = 168.000.000 đồng].

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C về việc không yêu cầu các bị đơn phải trả lãi suất chậm trả đối với số tiền các bị đơn phải thi hành án để trả nợ cho ông C.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông S bà U phải nộp là: 168.000.000 đồng x 5% = 8.400.000 đồng.

Ông C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Tiến C.

Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị U trả cho ông Đồng Tiến C số tiền 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đồng Tiến Cvề việc không yêu cầu ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị U phải trả lãi suất chậm trả đối với số tiền mà ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị U phải thi hành án để trả nợ cho ông Đồng Tiến C.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.400.000 đồng (Tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Ông Đồng Tiến C được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.200.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003814 ngày 28/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên , tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/5/2023, bị đơn (ông Phan Văn S) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu: VT, HSDS.

Đinh Thị Thơm